

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 08/7/2024.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiệp và ông Đào Văn Hậu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nhất – Kiểm sát viên
Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 08/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum - tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Ly N, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số N, đường P, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Có đơn xin xét xử vắng mặt".

- **Bị đơn:** Anh Thái Ngọc T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số M, đường P, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Trần Thị Ly N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thái Ngọc T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2017, tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn. Vợ chồng luôn cãi nhau dẫn đến không còn tình cảm và đã sống ly thân gần 04 năm nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Trần Thị Ly N nhận thấy đã hết tình cảm với anh Thái Ngọc T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái Ngọc T.

Về con chung: Vợ, chồng chị sinh được 01 con chung là Thái Bảo N, sinh ngày 29/11/2017. Khi ly hôn, chị Trần Thị Ly N có nguyện vọng giao con cho anh Thái Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục vì anh T đã nuôi con từ khi anh, chị không còn chung sống với nhau cho đến nay. Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng, kể từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi. Lãi suất chậm thi hành án, đề nghị áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ly N nhận chịu toàn bộ.

** Bị đơn anh Thái Ngọc T:* Đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không tham gia tố tụng, không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố; đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Thái Ngọc T không thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự, đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị xử cho chị Trần Thị Ly N được ly hôn với anh Thái Ngọc T. Giao cháu Thái Bảo N, sinh ngày 29/11/2017 cho anh Thái Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; Về tài sản, nợ nần: Chị N khai không có nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Chị Trần Thị Ly N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Kon Tum nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án thành phố Kon Tum giải quyết là đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai

tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn như đề nghị của đại diện VKS là đúng pháp luật cần chấp nhận.

- Anh Thái Ngọc T biết việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết, anh T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh.

[2] Về nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ly N và anh Thái Ngọc T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Xét nguyên nhân mâu thuẫn:

Qua các tài liệu, chứng cứ thấy rằng, trong thời kỳ hôn nhân vợ, chồng chị N, anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên ăn nhậu, không tu chí làm ăn, bất đồng quan điểm sống, mẹ chồng không tin tưởng chị N nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến không còn tình cảm và đã sống ly thân gần 04 năm, không ai còn quan tâm đến nhau (BL 24, 43). Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị N và anh T không có sự tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái Ngọc T là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ, chồng chị N và anh T sinh được 01 con chung là cháu Thái Bảo N, sinh ngày 29/11/2017. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng giao con cho anh Thái Ngọc T nuôi dưỡng, vì từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con là do anh T nuôi dưỡng, chăm sóc.

Thấy rằng, trong thời gian chị Trần Thị Ly N và anh Thái Ngọc T không chung sống với nhau, anh T là người trực tiếp chăm sóc con, cháu N đã có cuộc sống ổn định, được chăm sóc tốt, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, kể từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm (tháng 7/2024) đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp, nên theo quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình thì yêu cầu về việc giao con cho anh T nuôi con sau ly hôn theo yêu cầu của chị N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Chị N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về lãi suất chậm thi hành án, chị N đề nghị áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là đúng với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có, anh T không có ý kiến gì nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Ly N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" của nguyên đơn chị Trần Thị Ly N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ly N được ly hôn với anh Thái Ngọc T.

- Về con chung: Giao con chung là Thái Bảo N, sinh ngày 29/11/2017 cho anh Thái Ngọc T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, chị Trần Thị Ly N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng, kể từ tháng 7/2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị Ly N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất do chậm trả tiền được tính theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí. Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình sơ thẩm) là: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng; án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Trần Thị Ly N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Ly N đã nộp theo biên lai số 0000052 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Chị Trần Thị Ly N còn phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Vũ Thị Hồng Dung